

Số: 72 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao

Thực hiện Quyết định số 98/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, ngày 18/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại trụ sở của Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600108471, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/11/2020.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: khu Phương Lai, thị trấn Lâm Thao huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm phân bón và hóa chất cơ bản.

- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp:

+ 12 phòng, ban chức năng: Văn phòng; Phòng Tổ chức lao động; Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Kế hoạch vật tư; Phòng Kinh doanh; Phòng Kỹ thuật; Phòng Cơ điện đầu tư; Phòng Quản lý chất lượng; Phòng Y tế, Trường Mầm non; Đảng – Đoàn thanh niên; Công đoàn;

+ 07 xí nghiệp sản xuất: Xí nghiệp Axit; Xí nghiệp Supe 1; Xí nghiệp Supe 2; Xí nghiệp NPK 1; Xí nghiệp NPK 2; Xí nghiệp NPK 3; Xí nghiệp NPK Hải Dương.

+ 02 xí nghiệp phục vụ sản xuất: Xí nghiệp Điện nước và Xí nghiệp đời sống.

- Điện thoại giao dịch: 0210 3825139;

Fax: 0210 3825140.

- Các tài khoản giao dịch:

+ Tài khoản số 110 000 012 164 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì.

+ Tài khoản số 0801 000 888 999 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì.

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm thanh tra): 1.853 người, trong đó lao động nữ: 543 người.

- Tình hình sản xuất kinh doanh (theo báo cáo của doanh nghiệp):

Số TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Năm 2022		Năm 2023		Kế hoạch năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng		2.285.373		2.360.489	
2	Tổng vốn điều lệ	Triệu đồng		1.128.564		1.128.564	
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	3.025.000	3.267.002	3.248.000	3.567.874	3.400.000
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Triệu đồng	2.667.420	2.895.132	2.864.760	3.058.331	2.980.784
5	Tổng thu - tổng chi (chưa có lương)	Triệu đồng	357.580	371.870	383.240	509.543	409.216
6	Lợi nhuận	Triệu đồng	102.000	111.650	120.000	186.288	136.000
7	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	47.693	42.554	47.405	35.713	49.505

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp thông báo trong nội bộ. Doanh nghiệp trực tiếp phỏng vấn và tuyển dụng người lao động ứng tuyển.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hàng năm.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề: không phát sinh.

- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Tại thời điểm thanh tra:

+ Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 05 người (Tổng giám đốc, 03 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng).

+ Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 1.840 người. Doanh nghiệp đã giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với 1.840 người.

+ Số người thử việc: 08 người. Doanh nghiệp áp dụng thời gian thử việc theo quy định.

+ Số người lao động thuê lại: không.

+ Ký hợp đồng lao động đối với người lao động được thuê làm giám đốc trong doanh nghiệp: không.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 123 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 123 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 6.446.117.000 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc theo quy định; không phát sinh đối thoại đột xuất.

- Đã ký kết thoả ước lao động tập thể năm 2023 có thời hạn 03 năm. Hồ sơ thoả ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng theo quy định.

- Thoả ước lao động có một số thoả thuận có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật lao động, cụ thể: tổ chức thăm quan du lịch, thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỉ, tặng quà nhân dịp các ngày lễ, tết, mua bảo hiểm sức khỏe, thưởng tháng lương thứ 13, thưởng sáng kiến, thưởng đột xuất.

- Đã thực hiện các nội dung thoả thuận trong thoả ước lao động tập thể.

- Thoả ước lao động tập thể đã được gửi đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ ngày 23/6/2023.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp ban hành tại Quyết định số 704/2023/QC-SPLT ngày 11/12/2023 của Tổng giám đốc.

5. Tiền lương và trả công lao động

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Việc xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương và định mức lao động:

+ Đã xây dựng thang lương, bảng lương (Quyết định số 63/QĐ-SPLT ngày 08/8/2023 của Hội đồng Quản trị), có ý kiến tham gia của tổ chức công đoàn cơ sở.

+ Đang sử dụng định mức lao động đã ban hành tại Quyết định số 846/QĐ-SPLT ngày 05/10/2016 của Tổng Giám đốc.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ), mức lương bình quân (MLBQ):

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	MLBQ (trđ)	Số lao động	MLBQ (trđ)
Lao động quản lý	6	27,55	5	26,806
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	370	7,284	357	7,425
Công nhân trực tiếp SXKD	1.345	7,391	1.256	7,501
Nhân viên thừa hành, phục vụ	235	6,487	230	6,57
Cán bộ chuyên trách công đoàn	3	9,852	3	9,852
Tổng số	1.959		1.851	

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ), mức phụ cấp bình quân (MPCBQ) gồm: chức vụ, trách nhiệm, độc hại.

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	MPCBQ	Số lao động	MPCBQ
Chức vụ	71	938.518	69	968.029
Trách nhiệm (Tổ trưởng, an toàn viên)	403	353.500	399	364.000
Độc hại, nguy hiểm		353.500		364.000

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Người đại diện vốn nhà nước đã thực hiện xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về các nội dung gồm: quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người lao động và được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam chấp thuận bằng văn bản (Công văn số 38/CV-SPLT ngày 12/01/2023 của doanh nghiệp, Công văn số 187/HCVN-TCNS ngày 15/2/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Công văn số 56/CV-SPLT ngày 12/01/2024 của doanh nghiệp, Công văn số 106/HCVN-TCNS ngày 29/01/2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam).

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động hằng năm:

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 252,2 tỷ đồng (theo Quyết định số 289/QĐ-HCVN ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); quỹ tiền lương thực hiện là 257,2 tỷ đồng (theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-ĐHCĐ-SPLT ngày 12/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông).

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 260 tỷ đồng (theo Quyết định số 67/QĐ-HCVN ngày 31/3/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); quỹ tiền lương

thực hiện là 320 tỷ đồng (theo Quyết định số 12/QĐ-SPLT ngày 02/02/2024 của Hội đồng quản trị).

- Đã xây dựng quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng áp dụng chung cho cả người lao động và người quản lý (Quyết định số 10-2022/QĐ-HĐQT ngày 20/12/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

+ Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng đã có ý kiến của Chủ tịch công đoàn cơ sở nhưng không tổ chức lấy ý kiến của người lao động theo quy định.

- Việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện đối với người lao động: căn cứ kết quả phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện và quy chế quản lý lao động và phân phối thu nhập, doanh nghiệp quyết toán tiền lương cho người lao động.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2022 là 175 triệu đồng/người/năm, năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2022 là 190,4 triệu đồng/người/năm, bằng 108,8% năng suất lao động kế hoạch bình quân.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2022 là 10,29 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2022 là 10,97 triệu đồng/người/tháng, bằng 106,68 % tiền lương kế hoạch bình quân.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2023 là 193 triệu đồng/người/năm, năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2023 là 276 triệu đồng/người/năm, bằng 143,5% năng suất lao động kế hoạch bình quân.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2023 là 10,89 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2023 là 14,47 triệu đồng/người/tháng, bằng 132,83 % tiền lương kế hoạch bình quân.

- Đã trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ngày nghỉ lễ, tết, tiền lương làm việc vào ban đêm theo quy định.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh việc khấu trừ trái pháp luật.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: đã tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động với mức bình quân 830.000 đồng/người/tháng, cụ thể:

+ Năm 2022: 1.959 người với tổng số tiền là 19,511 tỷ đồng.

+ Năm 2023: 1.850 người với tổng số tiền là 18,426 tỷ đồng.

- Các khoản phụ cấp khác: bồi dưỡng độc hại cho người lao động bằng hiện vật (bữa ăn giữa giờ, nước Oresol, nước chanh đường, sữa đậu nành), cụ thể:

+ Năm 2022: 1.959 người với tổng số tiền là 19,511 tỷ đồng.

+ Năm 2023: 1.850 người với tổng số tiền là 18,426 tỷ đồng.

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

Số TT	Chi tiêu	ĐV tính	Năm 2022			Năm 2023		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Thu nhập lương	Triệu đồng	53.219	10.975	6.448	62.962	14.469	8.200
2	Phụ cấp	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0
3	Tiền thưởng	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0
4	Thu nhập khác	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0
5	Tổng thu nhập	Triệu đồng	53.219	10.975	6.448	62.962	14.469	8.200

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Tại thời điểm thanh tra, số lượng cán bộ quản lý chuyên trách: 05 người (Tổng giám đốc, 2 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng Ban kiểm soát).

- Tại thời điểm thanh tra, số người quản lý không chuyên trách: 07 người (05 thành viên Hội đồng quản trị, 02 thành viên Ban kiểm soát).

- Đã báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý với đại diện chủ sở hữu.

- Đã xin ý kiến của người đại diện phần vốn nhà nước đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý.

- Đã xây dựng riêng quỹ tiền lương, quỹ thù lao của người quản lý.

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 3,38 tỷ đồng (theo Quyết định số 289/QĐ-HCVN ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); quỹ tiền lương thực hiện là 3,02 tỷ đồng (theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-ĐHCV-SPLT ngày 12/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông).

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 3,24 tỷ đồng (theo Quyết định số 67/QĐ-HCVN ngày 31/3/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); quỹ tiền lương thực hiện là 3,255 tỷ đồng (theo Quyết định số 12/QĐ-SPLT ngày 02/02/2024 của Hội đồng quản trị).

- Tiền lương thực hiện của người quản lý như sau:

TT	Chức danh	Tiền lương (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị (về hưu từ ngày 19/4/2022)	44,8	0
2	Tổng Giám đốc	43,35	58,74
3	Phó Tổng Giám đốc (về hưu từ tháng 6/2023)	39,015	52,866
4	Phó Tổng Giám đốc (về hưu từ tháng 8/2023)	39,015	52,866

5	Phó Tổng Giám đốc	39,015	52,866
6	Kế toán trưởng	36,125	48,95
7	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ tháng 11/2023)	0	52,86
8	Trưởng Ban Kiểm soát	40,46	48,95

- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: doanh nghiệp đã xây dựng quỹ thù lao của người quản lý và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, doanh nghiệp chi thù lao của người quản lý không chuyên trách theo đúng mức đã được phê duyệt.

- Phân phối tiền thù lao thực hiện của người quản lý (theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-ĐHCD-SPLT ngày 12/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định số 12/QĐ-SPLT ngày 02/02/2024 của Hội đồng quản trị) như sau:

TT	Chức danh	Thù lao (triệu đồng /người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	7	7
2	Thành viên Hội đồng quản trị	5	5
3	Thành viên Hội đồng quản trị	5	5
4	Thành viên Hội đồng quản trị	5	5
5	Thành viên Hội đồng quản trị	0	5
6	Thành viên Hội đồng quản trị	5	5
7	Kiểm soát viên	4	4
8	Kiểm soát viên	4	4
9	Tổ trưởng Tổ thư ký	4	4
10	Thành viên Tổ Thư ký	3	3

5.2.2. Tiền thưởng

- Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của người quản lý: Quỹ khen thưởng năm 2022 là 377,5 triệu theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-ĐHCD-SPLT ngày 19/4/2022 của Hội đồng quản trị; năm 2023, doanh nghiệp đã báo cáo với Tập đoàn. Tập đoàn chưa có ý kiến về quỹ khen thưởng của doanh nghiệp.

- Chưa xây dựng quy chế thù lao đối với người quản lý.

- Phân phối tiền thưởng cụ thể đối với từng chức danh:

TT	Chức danh	Tiền thưởng (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
I	Ban điều hành		
1	Tổng giám đốc	5	

2	Phó Tổng giám đốc	2,9	Chưa chi
3	Phó Tổng giám đốc	2,9	
4	Phó Tổng giám đốc	2,9	
5	Kế toán trưởng	2,9	
II	Hỗ trợ và giúp việc ban điều hành		
6	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,25	
7	Thành viên Hội đồng quản trị	0,83	
8	Thành viên Hội đồng quản trị	0,83	
9	Chánh văn phòng	1,66	
10	Trưởng phòng	1,66	
11	Trưởng phòng	1,66	
12	Trưởng phòng	1,66	
13	Trưởng phòng	1,66	
14	Trưởng phòng	1,66	
15	Phó phòng	1,08	
16	Tổ thư ký	0,45	
17	Kế toán theo dõi	0,33	

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác: không.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý trước khi có ý kiến với hội đồng quản trị.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về tình hình thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của năm trước và kế hoạch của năm tiếp theo sau khi được đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị thông qua.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả giám sát chung về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ ngày thứ bảy và chủ nhật); 8 giờ/ngày và 42 giờ/tuần đối với bộ phận trực tiếp sản xuất.

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường, 14 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 16 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: nghỉ 02 đợt/ca, từ 10 - 15 phút/ca.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động là Tổng giám đốc doanh nghiệp và ông Văn Khắc Minh – Phó Tổng giám đốc theo Giấy ủy quyền số 455/UQ-SPLT ngày 10/7/2020 của Tổng giám đốc.

- Đã xây dựng nội quy lao động và đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ.

- Tại khoản 7 Điều 45 nội quy lao động quy định “người lao động bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải khi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động”, nhưng nội quy lao động không có quy định cụ thể danh mục các thông tin tài liệu thuộc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp tiến hành xử lý kỷ luật lao động 13 vụ với tổng số 40 người lao động bị xử lý kỷ luật. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động theo quy định.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 543 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc.

- + Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc.
- + Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.
- + Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.
- + Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.
- + Đã xây dựng Trường mầm non để chăm sóc, nuôi dưỡng con của người lao động và hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật và người lao động cao tuổi

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật và người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Đã phân loại 1.361 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (trong đó loại IV: 1.112 người, loại V: 196 người, loại VI: 53 người), để thực hiện chế độ liên quan; đã ghi đúng chức danh công việc trong sổ bảo hiểm xã hội.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đủ 05 nội dung và có lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

- Đã bố trí 08 người có trình độ đại học chuyên ngành kỹ thuật hoặc môi trường làm công tác an toàn môi trường, trong đó 04 người làm việc theo chế độ chuyên trách về an toàn lao động.

- Đã bố trí 13 người làm công tác y tế chuyên trách, trong đó có 03 bác sỹ. Doanh nghiệp tổ chức phòng y tế độc lập, trong đó có 01 trạm cấp cứu đặt tại khu vực sản xuất và 01 phòng khám đa khoa thường trực 24/24 giờ.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên tại các nhà máy sản xuất, tổng số gồm 207 người; đã chi trả phụ cấp mức 0,1 mức lương tối thiểu vùng.

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 170 thiết bị (69 thiết bị chịu áp lực, 101 thiết bị nâng và 02 bộ hơi quá nhiệt, hơn 1.778 m đường ống dẫn hơi, khí nén; hơn 20 van an toàn; 02 thiết bị lọc lưu huỳnh; 08 bồn chứa axit sunfuric). Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị và còn hạn kiểm định. Có lập sổ theo dõi thời hạn kiểm định đối với thiết bị.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thuê các tổ chức dịch vụ huấn luyện đủ điều kiện huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động để thực hiện huấn luyện cho toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động; người sử dụng lao động đã ký, đóng dấu thẻ an toàn đúng mẫu cho đối tượng nhóm 3 và lưu hồ sơ hồ sơ huấn luyện theo quy định (Quyết định số 788/QĐ-SPLT ngày 28/12/2023 của Tổng giám đốc doanh nghiệp).

- Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập sổ theo dõi cấp phát, có chữ ký nhận của người lao động theo quy định (Quyết định số 496/QĐ-SPLT ngày 11/9/2023).

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động 01 lần/quý. Kết quả quan trắc 2.564 mẫu, trong đó 32 mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép (tiếng ồn).

- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp xảy ra 04 vụ tai nạn lao động, trong đó: 01 vụ tai nạn lao động nhẹ làm 01 người bị thương nhẹ và 03 vụ tai nạn lao động nặng làm 03 người bị thương nặng; doanh nghiệp đã tổ chức điều tra và giải quyết chế độ cho người lao động; đã tổ chức cuộc họp và lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động nhưng không có người bị nạn hoặc đại diện thân nhân người bị nạn dự họp theo quy định.

- Đã trang bị đủ phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động theo quy định tại trạm cấp cứu (đặt tại khu vực sản xuất) và Phòng khám đa khoa thuộc Phòng y tế doanh nghiệp tương đương bệnh viện hạng 3 được Sở Y tế địa phương công nhận.

- Hằng năm, doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản, 1.361 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám 06 tháng/lần.

- Đã tổ chức khám bệnh viêm phế quản mạn tính, bệnh sạm da và bệnh điếc do tiếng ồn cho người lao động tiếp xúc với các yếu tố nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp. Kết quả khám chưa phát hiện người lao động mắc bệnh nghề nghiệp.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Tại thời điểm thanh tra, số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 1.845 người.

+ Số người đã tham gia: 1.845 người.

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Tại thời điểm thanh tra, số người không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 08 người thử việc.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 02/2024: 8.166.794.248 đồng. Số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.4. Đã trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

1.5. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.6. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết. Nội dung thỏa ước lao động có thỏa thuận nội dung có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.9. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

1.10. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.11. Đã tổ chức bữa ăn ca cho người lao động.

1.12. Đã thực hiện chế độ tiền lương, thu nhập đối với người quản lý theo quy định.

1.13. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lao động.

1.14. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.15. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.16. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.17. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.18. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận làm công tác y tế theo quy định.

1.19. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.20. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.21. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.22. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.23. Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

1.24. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.25. Đã khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.26. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.27. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 1.845 người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.28. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.2. Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng đã có ý kiến của Chủ tịch công đoàn cơ sở nhưng không tổ chức lấy ý kiến của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.3. Chưa xây dựng quy chế thù lao đối với người quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.4. Doanh nghiệp đã tổ chức bữa ăn ca cho người lao động với mức bình quân 830.000 đồng/người/tháng là vượt quá mức chi tối đa theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2.5. Khoản 7 Điều 45 nội quy lao động quy định “người lao động bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải khi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động”, nhưng nội quy lao động không có quy định cụ thể danh mục các thông tin tài liệu thuộc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ là chưa đúng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.6. Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động không có người bị nạn hoặc đại diện thân nhân người bị nạn theo quy định điểm d khoản

7 Điều 13 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục các sai phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.1 và 2.6 khi phát sinh.

- Khắc phục sai vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/5/2024./.

Nơi nhận: *lưu*

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

